

Bản án số: 32/2020/DSST

Ngày: 15/9/2020

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Minh

Ông Nguyễn Đình Thọ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh trì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 345/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Hoàng Khánh L** - SN 1987 (Có mặt)

ĐKKHKT: thôn T, xã L, huyện T, TP Hà Nội

- Bị đơn: **Anh Trần Văn Q** - SN 1986 (Có mặt)

ĐKKHKT+nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện T, TP Hà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/7/2020 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Hoàng Khánh L trình bày:

Chị và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/02/2011 tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống ở Nam Định khoảng 02 năm, sau đó chuyển đến sinh sống ở thôn T, xã L, huyện T, Hà Nội tại nhà đất do bố mẹ chồng mua. Vợ chồng chung sống đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được. Vợ chồng chị cũng đã nói chuyện với nhau

nhiều lần để tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ tháng 4/2019 thì vợ chồng sống ly thân, chị đã ra ngoài thuê nhà sinh sống nơi khác, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục sống chung cũng không có hạnh phúc, vì vậy chị xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Nhật M sinh ngày 13/6/2012. Sau khi ly hôn, nếu anh Q có nguyện vọng nuôi con chung thì chị đồng ý, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ngày 13/8/2020, bị đơn là anh Trần Văn Q trình bày:

Anh và chị Hoàng Khánh L kết hôn tự nguyện và có đăng ký ngày 23/02/2011 tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống ở Nam Định một thời gian rồi chuyển đến ở tại thôn T, xã L, huyện T, TP Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên có lần anh đã tát chị L một cái do chị L có thái độ và cách cư xử không đúng mực khi vợ chồng cãi nhau. Cách đây khoảng gần một năm, chị L tự ý bỏ nhà đi, hiện nay sống ở đâu làm gì anh không rõ. Vợ chồng anh sống ly thân từ đấy đến nay, không liên lạc gì. Có một lần chị L về thăm con, nhưng không đóng góp gì nuôi con. Nay chị L nộp đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì con còn nhỏ, anh muốn vợ quay về để nuôi dạy con chung.

Về con chung: anh Q xác nhận vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Nhật M sinh ngày 13/6/2012, từ khi chị L bỏ đi cháu sống với anh. Nếu vợ chồng ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: vợ chồng không tranh chấp gì về tài sản chung và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Hoàng Khánh L và anh Trần Văn Qg nhất trí thỏa thuận thuận tình ly hôn. Về con chung, anh chị xác nhận vợ chồng chị có một con chung là cháu Trần Nhật M sinh ngày 13/6/2012, hiện do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh chị thỏa thuận sau ly hôn, anh Q sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Q không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị

đơn chưa chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Khánh L và anh Trần Văn Q. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Trần Nhật M sinh ngày 13/6/2012. Giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Các bên có quyền đi lại thăm hỏi con chung chung không ai được cản trở. Vợ chồng không tranh chấp gì về tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Chị Hoàng Khánh L và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/02/2011 tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp tiến bộ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã có lần xảy ra xô xát. Chị L đã ra ngoài thuê nhà sống nơi khác, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa để hòa giải. Tại phiên tòa, anh chị đã tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào các Điều 51, 55 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Khánh L và anh Trần Văn Q.

[2] Về con chung: chị L, anh Q xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Nhật M sinh ngày 13/6/2012. Tại phiên tòa, anh chị tự nguyện thỏa thuận giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Bản thân cháu Nhật M cũng có nguyện vọng muốn ở với bố. Xét nguyện vọng của các bên là chính đáng và phù hợp với lợi ích của cháu bé nên căn cứ vào các Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, giao con chung là cháu Trần Nhật M sinh ngày 13/6/2012 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị L có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng thực tế của mình. Nếu sau này các bên có yêu cầu hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con thì giành quyền khởi kiện cho các bên bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị L và anh Q không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 8 Điều 26, khoản 5 Điều 27 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 51, 54, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 26 - Luật Thi hành án

- Khoản 8 Điều 26, khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Khánh L và anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: xác nhận chị L và anh Q có 01 con chung là cháu Trần Nhật M sinh ngày 13/6/2012. Giao cháu Nhật M cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Các bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị L và anh Q không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai số AA/2017/0006771 ngày 22/7/2020 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện
T, TP Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

Đỗ Thị Mai Thu